

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ EPVI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ EPVI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EPVI ECOMMERCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109287054

**3. Ngày thành lập:** 29/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

116 Ngõ 545 Vũ Tông Phan, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                             | 1811     |
| 2.  | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                | 6622     |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ dập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                       | 1812     |
| 4.  | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                         | 1820     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                   | 4651     |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4741     |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                    | 4783     |
| 8.  | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                              | 5820     |
| 9.  | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị) | 5911     |
| 10. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                      | 5912     |
| 11. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh và phim video                                                                                                                | 5913     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190(Chính) |
| 13. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6201        |
| 14. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6202        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.<br>Hoạt động công nghiệp phần cứng<br>Hoạt động công nghiệp phần mềm<br>Hoạt động công nghiệp nội dung | 6209        |
| 16. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6311        |
| 17. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6312        |
| 18. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại                                                                                                                                                                                                                                                     | 6399        |
| 19. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310        |
| 20. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8220        |
| 22. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỖ ANH TÚ | Số 101, Ngõ 68 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    | 019091000060                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THÀNH ĐẠT     | Số 3/11 Ngõ 18 Tổ 9 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 120.000    | 1.200.000.000         | 60,000    | 036088000411                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số                   | 120.000    | 1.200.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                             |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                              |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN KIM VŨ | Số 21, Lô 14B, Khu DT Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 | 0010890075<br>47 |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |               |                                                                                              | Tổng số                   | 40.000 | 400.000.000 | 20,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THÀNH ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/07/0198

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036088000411

Ngày cấp: 19/08/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3/11 Ngõ 18 Tổ 9 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3/11 Ngõ 18 Tổ 9 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội